

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Số: 43

Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Diana Unicharm.
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Vĩnh Tuy, đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
E. Mail: <cskh@unicharm.com>.

Công bố:

Tiêu chuẩn: TCCS 43: 2021/DIANA

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá:

Tã dán Caryn siêu thấm

Mã số: 4 8 1 8 . 4 0 . 2 0

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Giám đốc cấp cao, sản xuất 



**GIÁM ĐỐC CẤP CAO
SẢN XUẤT**

Nguyễn Hà Long

CÔNG TY CỔ PHẦN DIANA UNICHARM

Số: 10/2021-01/QĐ-DIANA UNICHARM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

- V/v: Ban hành bản công bố tiêu chuẩn áp dụng

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần DIANA UNICHARM

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 - Chủ tịch nước Công bố ngày 12/7/2006;
- Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Công ty cổ phần DIANA UNICHARM

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành các tiêu chuẩn cơ sở áp dụng cho các sản phẩm sau:

STT	Tên sản phẩm	Số tiêu chuẩn
1	Tã dán Caryn siêu thấm	TCCS 43: 2021/DIANA

Điều 2: Kể từ ngày có hiệu lực, các phân xưởng phải tổ chức tốt việc áp dụng Tiêu chuẩn có số hiệu nêu trên vào sản xuất và hạch toán của Công ty cổ phần DIANA UNICHARM

Điều 3: Các quản đốc phân xưởng, trưởng các phòng ban trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Đại diện doanh nghiệp

Giám đốc cấp cao, sản xuất



**GIÁM ĐỐC CẤP CAO
SẢN XUẤT**
Nguyễn Hà Long

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 43: 2021/DIANA
Ban hành lần 14

TẤ DÁN CARYN SIÊU THẨM

HÀ NỘI - 2021

Bảng theo dõi sự thay đổi:

TT	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Khoản/Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi	R&D	QC
1	03	27-10-2016	Địa chỉ E. mail Thành phần	Cũ: info@diana.com Mới: cskh@unicharm.com thêm hương quế trầm và chất kháng khuẩn		
2	04	19-06-2017	Hình vẽ size M-L và XL. Khối lượng Tốc độ thấm hút	Cũ: M-L: 103,9g; XL: 122,5g Mới: M-L: 102,7g; XL: 116,9g Cũ: 50s → mới: 40s		
3	05	01-09-2017	Kích thước Khối lượng	- Bỏ: W2 (chiều rộng sản phẩm chỗ hẹp nhất). - Cũ: M: 92,4g; M-L: 102,7g. - Mới: M: 91,7g; M-L: 103,1g.	-	-
4	06	02-04-2018	-III.2.c.:Các chỉ tiêu -V.2.:Ghi nhãn	- Bỏ sung chỉ tiêu kiểm tra hàm lượng Formaldehyt và amin thơm - Bỏ sung dấu hợp quy (CR)		
5	07	17-08-2018	- Hình vẽ size M - Thành phần	- Chuyển 9 rãnh sang 5 rãnh - Hương quế trầm sang hương thảo mộc		
6	08		-III.2.c.:Các chỉ tiêu	- Bỏ chỉ tiêu kiểm tra hàm lượng Formaldehyt và amin thơm - Bỏ dấu hợp quy (CR)		

			-V.2.:Ghi nhãn			
7	09			Thêm 02 SKU M40 và M-L 40		
8	10		-Kích thước XL -KL XL	Cũ: 920cm → Mới 930cm Cũ: 116.9g → Mới: 114.7g		
9	11	25-06- 2020	-Năm - Chiều rộng - Khối lượng	TCCS 43: 2017/DIANA -> TCCS 43: 2020/DIANA Chiều rộng size XL: 760mm-> 865mm M: 91,7g -> 89,3g; m-L: 103,1g-> 100,7g; XL: 114,7→ 113,4g		
10	12	21-07- 2020	Tên sản phẩm	Tã dán người lớn Caryn → Tã dán Caryn siêu thấm		
11	13	20-10- 2021	-Năm - Chiều rộng -Đổi tên size -Thành phần - Khối lượng	- TCCS 43: 2020/DIANA -> TCCS 43: 2021/DIANA - Chiều rộng size M: 775mm-> 700mm - Size M-L → size L - Bỏ “ Giấy” M: 89,3g -> 84.7g; L: 100,7g-> 95.5g; XL: 113,4→ 107.5g		

Mục lục

	Trang
Mục lục	1
Lời mở đầu	2
1 Phạm vi áp dụng	3
2 Kích thước cơ bản của miếng sản phẩm	3
3 Yêu cầu kỹ thuật	5
4 Quy tắc nghiệm thu và phương pháp thử	6
5 Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản	8
6 Tài liệu tham khảo	9

Lời mở đầu

TCCS 43: 2021/DIANA do Công ty cổ phần DIANA UNICHARM biên soạn và ban hành.

TÃ DÁN CARYN SIÊU THẨM**I. Phạm vi áp dụng:**

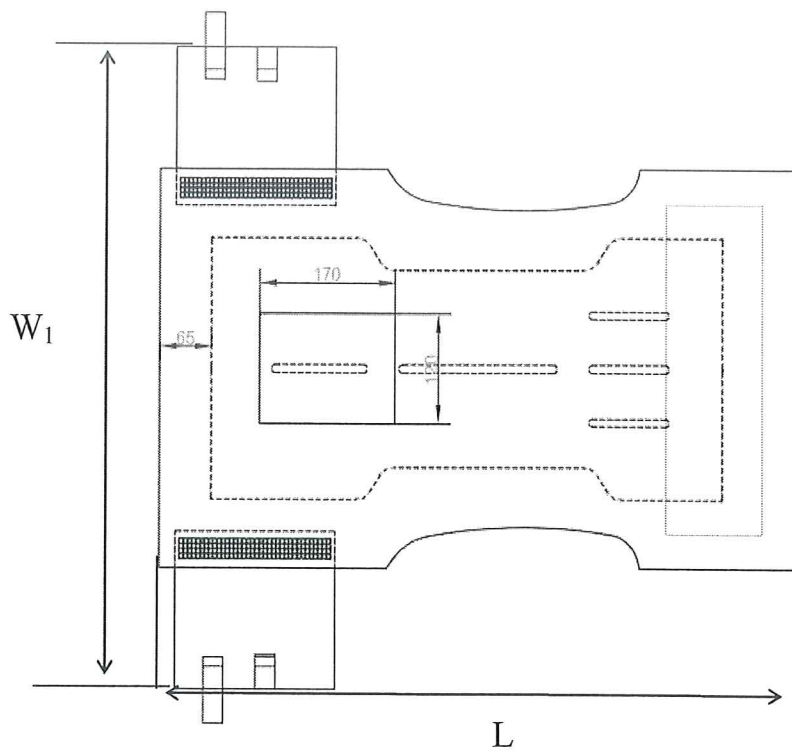
Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm tẩy dán Caryn siêu thẩm, do công ty cổ phần DIANA UNICHARM sản xuất tại Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

II. Kích thước cơ bản của miếng sản phẩm:

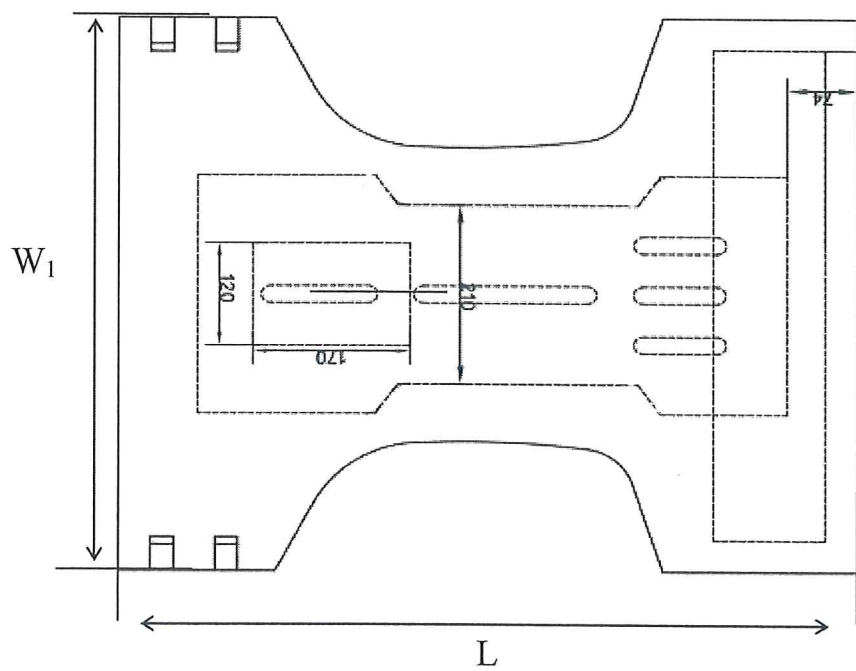
(Bảng 1)

Cỡ	Kích thước (mm)	
	Chiều dài miếng sản phẩm (đo chỗ dài nhất) - L	Chiều rộng miếng sản phẩm (đo chỗ rộng nhất) - W ₁
M	800	700
L	800	650
XL	930	865

Size M và size XL:



Size L:



III. Yêu cầu kỹ thuật :**1. Yêu cầu về nguyên vật liệu:**

- ♦ Vải không dệt;
- ♦ Bông Cellulose;
- ♦ Hạt siêu thấm;
- ♦ PE;
- ♦ PP;
- ♦ Chun;
- ♦ Polyme kết dính;
- ♦ Hương thảo mộc;
- ♦ Chất kháng khuẩn.

2. Sản phẩm Tã dán Caryn siêu thấm có các chỉ tiêu và mức chất lượng theo qui định dưới đây:

- a) Ngoại quan: Hình thức bên ngoài: bột giấy trắng, dàn đều suốt chiều dài miếng sản phẩm. Hình dáng miếng sản phẩm cân đối giữa các đai dính bụng, đai trước bụng và lõi bông. Mỗi hàn chắc chắn, không bong hở. Các đường cắt đều, cân đối. Sản phẩm phải sạch, không có bụi, dầu mỡ và các vật lạ khác. Lớp màng kết dính tốt với lõi bông.
- b) Các chỉ tiêu khác:

(Bảng 2)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng theo từng cỡ		
			M	L	XL
1	Khối lượng miếng:	g	84,7	95,5	107,5
	Dung sai cho phép theo khối lượng:	g	7	7	7
2	Khả năng thấm hút không nhỏ hơn:	ml	1050	1200	1300
3	Thời gian thấm hút không lớn hơn:	s	40		
4	Độ pH trên mẫu thử:	-	6 - 8		
5	Tổng số vi khuẩn hiếu khí không lớn hơn:	khuẩn lạc / g	200		
6	Tổng số nấm mốc không lớn hơn:	khuẩn lạc / g	100		

c) Sản phẩm phải đảm bảo an toàn vệ sinh theo qui định hiện hành.

IV. Quy tắc nghiệm thu và phương pháp thử:

1. Quy tắc nghiệm thu:

- ♦ Tất cả các lô sản phẩm đều được kiểm tra ngoại quan, các chỉ tiêu cơ lý tại nhà máy ngay trong quá trình sản xuất tuân thủ qui định kiểm soát chất lượng của công ty.
- ♦ Gửi mẫu 6 tháng một lần đến phòng thử nghiệm đủ năng lực được công ty cổ phần Diana Unicharm đánh giá, lựa chọn để kiểm tra tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật ở bảng 2. Mẫu được lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô sản xuất, số lượng mẫu lấy sao cho đủ để thử nghiệm theo yêu cầu của tiêu chuẩn.
- ♦ Tiêu chuẩn nghiệm thu: không có mẫu không đạt.

2. Phương pháp thử:

2.1. Xác định khối lượng:

- a) Dụng cụ đo: dùng cân có độ chính xác đến 0,1g;
- b) Tiến hành: đặt mẫu thử lên cân, cân từng mẫu, ghi kết quả chính xác đến 0,1 g;
- c) Lặp lại phép đo với 10 mẫu;
- d) Tính toán kết quả: tính giá trị trung bình của các lần đo.

2.2. Xác định kích thước:

- a) Dụng cụ đo: thước, có độ chính xác đến 1 mm;
- b) Tiến hành: Đặt miếng sản phẩm mẫu trên bề mặt phẳng. Sau đó đo chiều dài, chiều rộng của miếng sản phẩm tại các vị trí đã được quy định tại điều 1;
- c) Lặp lại phép đo với 3 mẫu;
- d) Tính toán kết quả: lấy giá trị trung bình các lần đo.

2.3. Xác định khả năng thấm hút:

- a) Dụng cụ đo và các chất thử:
 - ♦ Cân có khả năng cân đến 3 kg, độ chính xác 0,1 g;
 - ♦ Chậu có dung tích đến 25 lít;
 - ♦ Đồng hồ bấm giây;
 - ♦ khay nhựa có kích thước đủ to và cặp đế đặt miếng sản phẩm duỗi thẳng lên trên, có lỗ thoát nước (diện tích tối thiểu lỗ thoát là 6 cm²);
 - ♦ Kẹp để cố định miếng sản phẩm vào khay nhựa;

- ♦ Khoảng 25 lít dung dịch muối 0.9 % NaCL tinh khiết với nước đã khử ion;
 - ♦ Tấm phủ mặt cân khi cân;
 - ♦ Giá đỡ khay nhựa;
 - ♦ Sổ ghi số liệu, bút.
- b) Dụng cụ an toàn: (không bắt buộc) kính đeo mắt tùy chọn.
- c) Tiến hành thử:
- ♦ Cân và ghi lại khối lượng miếng sản phẩm còn khô (W1);
 - ♦ Nhúng khay nhựa và kẹp (không có miếng sản phẩm) vào dung dịch muối sao cho toàn bộ khay ngập trong dung dịch. Đợi 5 phút. Đem cân, ghi số liệu (W2);
 - ♦ Kẹp miếng sản phẩm vào khay nhựa ở vị trí mặt màng thấm hướng xuống phía dưới;
 - ♦ Nhúng mẫu cùng với khay nhựa vào chậu chứa dung dịch muối sao cho toàn bộ khay và sản phẩm ngập trong dung dịch. Giữ khay ở vị trí luôn luôn song song với mặt đất;
 - ♦ Đợi hết 30 phút thì rút khay nhựa cùng với miếng sản phẩm ra khỏi chậu đặt lên giá đỡ. Chú ý khi rút khay giữ cho khay và miếng sản phẩm luôn nằm ở vị trí song song với mặt đất, không vẩy hoặc rỉ nước;
 - ♦ Đợi 10 phút;
 - ♦ Cân và ghi khối lượng khay nhựa + kẹp cùng với sản phẩm đã róc nước (W3);
 - ♦ Lặp lại phép đo với 3 mẫu.
- d) Tính toán số liệu:
- ♦ Khả năng thấm hút của mẫu:

$$W = W3 - W1 - W2$$
 - ♦ Lấy giá trị trung bình các lần đo chính xác đến 0,1g. (Ghi chú: 1 g = 1 ml).

2.4. Xác định thời gian thấm hút:

- a) Dụng cụ đo và hoá chất:
- ♦ Ống hình trụ trong suốt cao khoảng 8,3 cm, hai đầu rộng đường kính 5,4 cm;
 - ♦ Phễu thuỷ tinh hoặc nhựa trong suốt dung tích tối thiểu 100 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml, có khoá ở vòi, tốc độ chảy dung dịch của vòi khi khoá mở to hết cỡ phải đạt 5 - 7 ml/s;
 - ♦ Giá để treo phễu có thể điều chỉnh được độ cao;

- ♦ Đồng hồ bấm giây;
- ♦ Khoảng 1 lít dung dịch muối 0.9 % NaCL tinh khiết với nước đã khử ion.

b) Tiến hành phép thử:

- ♦ Đặt miếng sản phẩm mẫu thí nghiệm với bề mặt thấm hướng lên trên lên mặt phẳng nơi có ánh sáng chiếu vào để có thể quan sát được quá trình thấm của dung dịch;
- ♦ Dùng bút đánh dấu vào điểm trọng tâm của bề mặt mẫu;
- ♦ Đặt ống hình trụ lên bề mặt mẫu sao cho tâm của đường tròn miệng ống trùng với điểm đã đánh dấu trên bề mặt;
- ♦ Đặt giá có phễu chứa 100 ml dung dịch muối bên trên ống hình trụ sao cho vòi phễu hướng vào tâm miệng ống và cách miệng khoảng 2 - 3 cm;
- ♦ Mở khoá vòi phễu hết cỡ cho dung dịch chảy xuống dưới, đồng thời bấm đồng hồ;
- ♦ Tính thời gian từ khi mở khoá phễu cho đến khi dung dịch được hút hết hoàn toàn khỏi bề mặt miếng sản phẩm. Ghi số kết quả đo;
- ♦ Lặp lại phép đo với 3 mẫu.

c) Tính toán kết quả: lấy giá trị trung bình của các lần đo.

2.5. Xác định độ pH:

a) Dụng cụ và hoá chất:

- ♦ pH mét điện cực thuỷ tinh và calomen;
- ♦ Cốc 1000 ml;
- ♦ Dung dịch chuẩn pH = 7.

b) Tiến hành thử:

- ♦ Bỏ màng đáy vải và màng ngăn thấm PE;
- ♦ Cắt khúc giữa miếng sản phẩm cân lấy 10g cho vào cốc 200 ml nước cất;
- ♦ Đun sôi cốc trong 5 phút. Trong quá trình đun luôn thêm nước để giữ thể tích ban đầu;
- ♦ Để nguội rồi đem xác định pH bằng máy đo pH;
- ♦ Lặp lại phép đo với 3 mẫu;

c) Tính toán kết quả: lấy giá trị trung bình của các lần đo.

2.6. Xác định độ nhiễm khuẩn:

Theo TCVN 10584: 2014

2.7. Xác định nấm mốc:

Theo TCVN 10584: 2014

V. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản:

1. Bao gói:

Các miếng sản phẩm được đóng vào túi PE, hàn kín với số lượng được quy định tùy theo loại sản phẩm, kích cỡ và từng trường hợp cụ thể. Ngoài ra, các túi PE còn có thể được đóng vào các bao bì khác để phục vụ mục đích vận chuyển.

2. Ghi nhãn: theo Nghị định 43/2017/NĐ - CP

Trên vỏ túi PE được ghi nhãn với đầy đủ các nội dung chính sau:

- ♦ Tên cơ sở;
- ♦ Địa chỉ cơ sở;
- ♦ Tên sản phẩm;
- ♦ Nhãn hiệu sản phẩm;
- ♦ Số lượng;
- ♦ Thành phần chính cấu tạo nên sản phẩm;
- ♦ Hướng dẫn sử dụng;
- ♦ Thông tin, cảnh báo vệ sinh, an toàn;
- ♦ Thông số kỹ thuật;
- ♦ Ngày sản xuất;
- ♦ Hạn sử dụng: 4 năm;
- ♦ Sản xuất theo tiêu chuẩn TCCS 43: 2021/DIANA.

3. Vận chuyển:

Bằng các phương tiện đảm bảo tránh mưa nắng. Không chuyên chở chung với các hoá chất gây cháy, ăn mòn, gây kích ứng, các chất bốc mùi khác.

4. Bảo quản:

Để hàng trong kho có mái che, khô ráo, thoáng mát, kê cách mặt đất tối thiểu 15 cm.

VI. Tài liệu tham khảo:

TCVN 1 – 2: về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia

TCVN 10584: 2014: Xác định độ nhiễm khuẩn

TCVN 10584: 2014: Xác định nấm mốc
